

Số: 38/2021/QĐST-HNGĐ

Ngày: 17 - 9 - 2021.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**(Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,**  
**thỏa thuận nuôi con khi ly hôn)**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

- *Chủ tọa phiên họp:* Ông Mạc Minh Quang - T phán
- *Thư ký phiên họp:* Ông Hoàng Hữu Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.
- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ T công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ T thụ lý số 189/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/8/2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 188/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2021, giữa:

***\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Anh **N V L**, sinh năm 1989. Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Xóm DT, thôn OM, xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Slovakia.
- Chị **N T D V**, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Xóm DT, thôn OM, xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Ba Lan.

***\*Người liên quan đồng thời là người được anh L, chị V ủy quyền giao nhận văn bản:*** Bà **N T T**, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Xóm DT, thôn ÔM, xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Anh L, chị V và bà T đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của anh L, chị V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh **N V L** và chị **N T D V** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/11/2016 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, bảo ban nhau làm ăn và không có mâu thuẫn gì lớn. Tháng 9/2019 chị V đi lao động tại Ba Lan, từ đó anh chị nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nghi ngờ sự chung thủy

và không còn tôn trọng nhau, dẫn đến ít liên lạc, quan tâm đến nhau. Đến tháng 8/2020 anh L đi lao động tại Slovakia, sau đó anh L sang thăm chị V tại Ba Lan với mong muốn cải thiện cuộc sống chung vợ chồng, nhưng do anh L bắt gặp chị V đã liên lạc và nhắn tin cho người đàn ông khác nên anh xác định cuộc sống vợ chồng trở lên nặng nề và không còn hạnh phúc; do anh L nghi ngờ nên chị V cho rằng mình không được tôn trọng nên đã xảy ra cãi vã, tình cảm lạnh nhạt nên không còn tiếng nói chung, từ tháng 12/2020 cho đến nay cả hai anh chị không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay anh L, chị V xác định cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hòa giải đều làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị xác định vợ chồng có 01 con chung là N N L A, sinh ngày 09/7/2015, hiện đang do bà N T T là mẹ đẻ anh L chăm sóc và giám hộ. Anh chị đều thống nhất thỏa thuận giao anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, anh L tự nguyện không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh đang sống và làm việc ở nước ngoài nên anh tiếp tục nhờ bà T trực tiếp chăm sóc và giám hộ cháu A.

Về tài sản, vay nợ: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà N T T trình bày: Bà là mẹ đẻ anh L, chị V là con dâu. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh L và chị V đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn và thỏa thuận giao anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu N N L A, đồng thời ủy quyền cho bà giao nộp tài liệu, nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Bà đồng ý nhận ủy quyền của anh L, chị V và cam kết có trách nhiệm thông báo lại cho anh L, chị V biết kết quả giải quyết của Tòa án, đồng ý giám hộ và trông nom, chăm sóc cháu A thay cho anh L trong thời gian anh L đang ở nước ngoài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Xác định những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N V L và chị N T D V. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các bên giao anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung N N L A, sinh ngày 09/7/2015 cho đến khi con trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu A cho bà N T T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh L về nước trực tiếp nuôi con. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh L chịu cả 300.000đ lệ phí ly hôn sơ T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được T tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh L hiện đang sinh sống, làm việc tại Slovakia và chị

Vhiện đang sinh sống, làm việc tại Ba Lan đều viết đơn xin ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, bản tự khai và giấy ủy quyền của anh N V L và chị N T D V đều được xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Slovakia và Ba Lan. Do vậy có căn cứ công nhận các văn bản trên là hợp pháp.

Anh L, chị V và bà T đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị V kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương ngày 11/11/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận cho đến tháng 9/2019 chị V đi lao động tại Ba Lan, anh L ở nhà cho đến tháng 8/2020 đi lao động tại Slovakia, hiện nay cả hai anh chị đều sinh sống và làm việc ở nước ngoài, mỗi người một đất nước khác nhau. Sau khi chị V đi sang nước ngoài thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, sống cách xa nhau nên có sự nghi ngờ lòng chung thủy, thiếu tôn trọng và không còn liên lạc, quan tâm nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay. Cả hai anh chị đều xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn, không muốn níu kéo cuộc sống chung và làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là N N L A, sinh ngày 09/7/2015, hiện đang ở với bà T. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao anh L trực tiếp nuôi dưỡng, anh L tự nguyện không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại cháu A do bà T là người giám hộ trực tiếp chăm sóc từ khi anh L đi nước ngoài cho đến nay vẫn đảm bảo về mọi mặt, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các bên giao anh L tiếp tục nuôi dưỡng con chung N N L A cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Tạm giao cháu N N L A cho bà N T T (mẹ đẻ anh L) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh L về nước trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản: Anh L và chị V đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí: Anh L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ T nên Tòa án chấp nhận.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N V L và chị N T D V.

2. Về con chung: Giao anh N V L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung N N L A, sinh ngày 09/7/2015 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu N N L A cho bà N T T (mẹ đẻ anh L) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh L về nước trực tiếp nuôi con.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh N V L tự nguyện chịu cả 300.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ T, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0007344 ngày 04/8/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh L đã nộp đủ lệ phí ly hôn.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc T.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Mạc Minh Quang**